

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111 /2020/KDTM - PT

Ngày: 30/6 và 15/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Tuyết Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa:

**Ông Ninh V Hoàng - Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Hà Nội.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân
thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:

Ông Nguyễn Trần Thắng
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 55/2020/TLPT-KDTM ngày 20/02/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐ-PT ngày 12/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 283/2020/QĐ-PT ngày 21/5/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 331/2020/QĐ-PT ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X

Trụ sở: Tòa tháp X, Số 3a Y, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông P.Đ.T- Chức vụ: Tổng Giám đốc X.

Đại diện theo ủy quyền: bà N.T.T.H, bà L.T.T.H, ông D.Q.V, ông N.A.H và ông N.X.C (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 269/QĐ-X-NHN ngày 14/5/2020 của Ngân hàng X.

(Ông C, ông V, ông H có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty CP T

Trụ sở: Số ZN, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Đ.X.T - Chức vụ: Giám đốc công ty.

(Ông T vắng mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đ.T.T, sinh năm 195x;

2. Bà H.T.T.H, sinh năm 196x;

Cùng trú tại: Số x, ngõ V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H: bà Đ.Q.L (theo Giấy ủy quyền số công chứng 630.2020/HĐGD ngày 16/6/2020)

3. Ông T.L.N, sinh năm 195x;

4. Bà P.T.H, sinh năm 196x;

Cùng trú tại: Số xV, tổ y, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

5. Ông N.H.P;

6. Bà T.T.H

Cùng trú tại: nhà số x, ngách 8y, ngõ G, tổ 1z H, quận H, thành phố Hà Nội.

(Ông T.L.N, bà P.T.H, bà Đỗ Quỳnh Loan, Ông N.H.P, Bà T.T.H vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông T.L.N, bà P.T.H và ông Đ.T.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng X trình bày:***

Công ty CP T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) và Ngân hàng X (Sau đây gọi tắt là X) đã ký các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013 với số tiền cho vay là: 12.200.000.000đ (*Mười hai tỷ hai trăm triệu đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11.5%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi Suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013 với số tiền cho vay là: 2.800.000.000đ (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013 với số tiền cho vay là: 10.000.000.000đ (*Mười tỷ đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

Để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của các hợp đồng tín dụng trên, Công ty T và những người liên quan đã ký 03 hợp đồng đảm bảo sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 290/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC- SCC/HĐGD ngày 08 tháng 4 năm 2013.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đ.T.T và bà H.T.T.H; tại Lô X, ô số A, BL, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội;

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND;

- Giá trị tài sản: 15.000.000.000đ (*Mười lăm tỷ đồng*) theo biên bản định giá ngày 08/04/2013.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND quận H, thành phố Hà Nội;

2. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 603/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2013.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất ở của ông T.L.N và bà P.T.H; tại tổ 2a, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044.

- Giá trị tài sản: 11.200.000.000đ (*Mười một tỷ hai trăm triệu đồng*) (theo biên bản định giá ngày 20/06/2013).

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất UBND quận C ngày 25/06/2013.

3. Hợp đồng thế chấp số: 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013

- Tài sản thế chấp: Xe ô tô 05 chỗ Honda Accord thuộc sở hữu của ông N.H.P và bà T.T.H.

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: Theo giấy đăng ký xe số 12x76ydo Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 05/06/2013, Biển kiểm sát 29A-783.xx, số khung: RKTCP1630AF010297, số máy: R20A33A2028Y.

- Giá trị tài sản: 850.000.000đ (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*) (theo biên bản định giá ngày 20/11/2013).

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm Hà Nội ngày 21/11/2013.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, X đã giải ngân cho Công ty T số tiền 25.000.000.000 (*hai mươi lăm tỷ*) đồng theo các bảng kê rút vốn (giấy nhận nợ) ngày 11/7/2013, ngày 25/7/2013, ngày 14/8/2013, ngày 30/8/2013 và ngày 21/11/2013. Tuy nhiên, Công ty T đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với X và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ tính đến ngày 31/05/2019 là: 31.969.955.866 đồng (*Ba mươi một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng*) (trong đó nợ gốc là 15.699.459.000 đồng; lãi trong hạn là: 11.420.896.429 đồng và lãi quá hạn là 4.849.600.437 đồng).

Đến ngày 31/05/2019 X đã xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông N.H.P và bà T.T.H theo Giấy đăng ký xe số 12x76ydo Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29A - 783.XX, số máy: R20A33A2028Y, số khung: RKTCP1630A - F01029abtheo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013, để thanh toán số tiền gốc là 400.541.000 đồng.

Vì vậy tài sản bảo đảm hiện tại của Công ty T gồm:

- Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đ.T.T và bà H.T.T.H; tại Lô X, ô số A, BL, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đ.T.T và bà H.T.T.H để đảm bảo cho nợ gốc là 8.000.000.000 đồng và nợ lãi là 8.135.248.433 đồng;

- Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất ở của ông T.L.N và bà P.T.H; tại tổ 2a, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số:

0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông T.L.N và bà P.T.T.H để đảm bảo cho nợ gốc là 7.699.459.000 đồng và nợ lãi là 8.135.248.433 đồng.

X không yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông N.H.P và bà T.T.H theo Giấy đăng ký xe số 12x76ydo Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29x- 7b3.xx, số máy: R20A33A2028Y, số khung: RKTCP1630A - F01029ab theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013.

Do vậy, X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty T trả toàn bộ số tiền còn nợ của ngân hàng X. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 21/8/2019 là: 32.669.366.765 đ (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) (trong đó nợ gốc là 15.699.459.000 đồng; lãi trong hạn là: 11.887.170.362 đồng và lãi quá hạn là 5.082.737.403 đồng). Lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký; lãi chậm thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành xong bản án, phí và lệ phí liên quan nếu có.

2. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ, X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi các khoản vay nợ của Công ty.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông N.H.P và bà T.T.H trình bày:

Năm 2013, ông P và vợ là bà T.T.H có ký Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013 về việc thế chấp xe ô tô Honda Accord BKS 29x- 7b3.xx, số máy: R20A33A2028Y, số khung: RKTCP1630A - F01029ab đăng ký số 12x76y do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, chủ sở hữu là ông N.H.P để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T tại X. Ông P được biết đến nay Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với X. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ cho X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do ông P bận công việc không thể đến Tòa án nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải, xem xét thẩm định và phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X;

Buộc Công ty CP T phải trả Ngân hàng X tổng số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng số 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2013; Hợp đồng tín dụng số 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013; Hợp đồng tín dụng số 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21 tháng 11 năm 2013 tạm tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2019 là: 15.699.459.000 đồng (*Mười lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*);

Buộc Công ty CP T phải trả Ngân hàng X số tiền nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày xét xử là: 16.969.907.765 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm linh bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 11.887.170.362 đồng và lãi quá hạn là 5.082.737.403 đồng;

Tổng số tiền Công ty CP T phải trả Ngân hàng X tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 32.669.366.765 đồng (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2019, Công ty CP T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng X theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp Công ty CP T không trả được nợ, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ bao gồm:

- Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đ.T.T và bà H.T.T.H; tại Lô X, ô số A, BL, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN7936xx do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đ.T.T và bà H.T.T.H;

- Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất ở của ông T.L.N và bà P.T.H; tại tổ 2a, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông T.L.N và bà P.T.H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông T.L.N cùng vợ là bà P.T.H và ông Đ.T.T kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Ông N và bà H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm vì lý do: Vợ chồng Ông N không nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Ba Đình; Trước khi xét xử Tòa án nhân dân quận Ba Đình không thẩm định tài sản thế chấp, nên bỏ qua các

tài sản hiện có của gia đình trên đất; Quyết định của bản án không đề cập đến thỏa thuận mức tiền bảo đảm đã thỏa thuận trước đó, gây thiệt hại cho gia đình ông.

Ông T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm vì lý do: Vợ chồng ông T muốn chuộc lại tài sản thế chấp mà vợ chồng ông đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Đ.T.T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông T.L.N và bà P.T.H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng tất cả những lần Tòa án mở phiên tòa ông T.L.N và bà P.T.H đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30.6.2020 bà Đ.Q.L đại diện theo ủy quyền của ông Đ.T.T có mặt và đề nghị Hội đồng xét xử và Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T15 ngày để ông T đàm phán và trả tiền Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa 15 ngày để các bên hòa giải. Tuy nhiên đến phiên tòa phúc thẩm ngày 15.7.2020 chỉ có đại diện Ngân hàng có mặt còn tất cả các đương sự khác trong vụ án đều vắng mặt không có lý do, đại diện Ngân hàng trình bày việc hòa giải giữa các bên không thực hiện được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại cấp phúc thẩm ông T.L.N và bà P.T.H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng tất cả những lần Tòa án mở phiên tòa ông T.L.N và bà P.T.H đều vắng mặt không có lý do, như vậy ông T.L.N và bà P.T.H bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.L.N và bà P.T.H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30.6.2020 bà Đ.Q.L đại diện theo ủy quyền của ông Đ.T.T có mặt và đề nghị Hội đồng xét xử và Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T15 ngày để ông T đàm phán và trả tiền Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các bên hòa giải. Tuy nhiên đến phiên tòa phúc thẩm ngày 15.7.2020 chỉ có đại diện Ngân hàng có mặt bà Đ.Q.L vắng mặt không có lý do, do phiên tòa tạm ngừng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đ.T.T.

+ Về nội dung vụ án:

- Hợp đồng tín dụng số: 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013, Hợp đồng tín dụng số: 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013 được nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ký kết, có nội dung và hình thức không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Lãi suất áp dụng đối với khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với kháng cáo của ông Đ.T.T: Ông T kháng cáo và đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi, tạo điều kiện cho ông T giải chấp tài sản. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và Tòa án thu thập được. Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông T.L.N, bà P.T.H và ông Đ.T.T làm trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ông Đ.X.T, đại diện theo pháp luật của bị đơn và ông N.H.P, bà T.T.H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với các đương sự này.

Tất cả các đương sự đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Hợp đồng tín dụng số: 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013, Hợp đồng tín dụng số: 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013 được nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ký kết, có nội dung và hình thức không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Lãi suất áp dụng đối với khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên được xác định như sau: lãi suất vay trong hạn: 11%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn. Lãi suất như trên được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng.

Thực hiện thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân đầy đủ số tiền theo các hợp đồng tín dụng cho bị đơn. Như vậy, việc bị đơn không

thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn là vi phạm thoả thuận của các bên cũng như trái với quy định của pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ.

- Về tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn,

+ Ông Đ.T.T và bà H.T.T.H đã ký kết với nguyên đơn Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 290/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 4 năm 2013.

+ Ông T.L.N và bà P.T.H đã ký với nguyên đơn Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 603/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2013.

+ Ông N.H.P và bà T.T.H Hợp đồng thế chấp số: 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013.

Các hợp đồng thế chấp này được các bên tự nguyện ký kết, có nội dung và hình thức không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên.

Đến ngày 31/05/2019, nguyên đơn đã xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông N.H.P và bà T.T.H theo Giấy đăng ký xe số 12x76y do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29x- 7b3.xx, số máy: R20A33A2028Y, số khung: RKTCP1630A – F010297 theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013, để thanh toán số tiền gốc là 400.541.000 đồng. Việc xử lý tài sản như trên được sự đồng ý của ông P và bà H nên phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn xử lý tài sản đảm bảo còn lại khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm cần phải căn cứ vào khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord nêu trên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, về vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm tránh lặp lại vi phạm đối với các vụ án khác,

[3] Xét kháng cáo của các đương sự:

Do ông T.L.N và bà P.T.H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử xác định

Ông N và bà H từ bỏ quyền kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.L.N và bà P.T.H.

Đối với kháng cáo của ông Đ.T.T: Ông Tkháng cáo và đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi, tạo điều kiện cho ông T giải chấp tài sản. Tại phiên tòa ngày 30/6/2020, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp nhận đề nghị này của các đương sự và ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được về nội dung này. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T

[4] Về án phí:

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39, 147, 148, khoản 2 Điều 244, 271, 273 khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 355, 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 163 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với Công ty Cổ phần T

2. Buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013, Hợp đồng tín dụng số: 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013, tạm tính đến ngày 21/08/2019 là: 32.669.366.765 đồng (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 15.699.459.000 đồng (*Mười lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*);

+ Nợ lãi trong hạn: 11.887.170.362 đồng (*Mười một tỷ tám trăm tám bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu hai đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 5.082.737.403 đồng (*Năm tỷ không trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba bảy nghìn bốn trăm linh ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.T.T.

4. Đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của T.L.N và bà P.T.H.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông N.H.P và bà T.T.H theo Giấy đăng ký xe số 12x76ydo Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29x- 7b3.xx, số máy: R20A33A2028Y, số khung: RKTCP1630A – F010297 theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013 của Ngân hàng X.

6. Trường hợp Công ty CP T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng X có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm như sau :

- Tài sản thế chấp 1: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đ.T.T và bà H.T.T.H; tại Lô X, ô số A, BL, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đ.T.T và bà H.T.T.H” theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 290/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 4 năm 2013.

- Tài sản thế chấp 2: “Quyền sử dụng đất ở của ông T.L.N và bà P.T.H; tại tổ 2a, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông T.L.N và bà P.T.T” theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 603/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2013.

7. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty CP T phải chịu 140.669.367 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng X không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) theo biên lai thu số 8366 ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà P.T.H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại bà H 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 24144 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ông Đ.T.T không phải phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại ông T2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 05960 ngày 22/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi Cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THANH BÌNH